

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc,
cơ sở hoạt động sự nghiệp**

Căn cứ Luật số 15/2017/QH14 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 23/01/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 151/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ vào Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét đề nghị của Phòng Quản trị thiết bị,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công khai tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp năm 2024 theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Quản trị thiết bị, Phòng Tài chính Kế toán và Trưởng các đơn vị trong trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QTTB.



TS. Phạm Xuân Khánh



(Kèm theo Quyết định số 2599 /QĐ-CĐCNC ngày 31/12/2024)

Mẫu số 09b-CK/TSC

Bộ, tỉnh: Thành phố Hà Nội
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND Thành phố Hà Nội
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội
Mã đơn vị: 1105380
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
Năm 2024

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đất thôn Đình Thôn - Mỹ Đình (cơ sở 3 trường cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội)		912,535,580		15,682																Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
2	Đất thôn Nhuệ Giang - Tây Mỗ (cơ sở 1 trường cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội)		10,161,431,280		278,915																Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
3	Đất thôn Phùng Khoang - Vũ Hữu (cơ sở 2 trường cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội)		808,906,780		14,533																Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
4	Nhà làm việc và học lý thuyết 11 tầng									2015	8,790	33,542,696	24,687,425		x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
5	Nhà xưởng thực hành lớp học C									2015	11,200	18,663,513	13,691,553		x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
6	Nhà thể chất. hội trường, thư viện									2015	3,960	16,023,054	11,754,512		x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
7	Nhà xưởng thực hành lớp học A và B									2015	11,500	28,730,837	21,076,942		x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
8	Hội trường lớp học									2004	893	1,029,384	247,052		x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
9	Lớp học nhà khung thép									1999	1	324,410	12,976		x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
10	Lớp học thí nghiệm 2 tầng nhà A1									1994	1	824,352			x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
11	Nhà 2 tầng Mỹ Đình									2005	736	750,000	210,000		x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	



STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
12	Nhà 4 tầng E									1961	4,700	2,610,715			x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
13	Nhà A2									1980	736	667,937			x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
14	Nhà chăn nuôi bò									1984	66	79,264			x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
15	Nhà chăn nuôi gà									1984	307	176,143			x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
16	Nhà chăn nuôi lợn Mỹ									2000	73	50,000			x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
17	Nhà Hiệu bộ nhà B									1998	768	960,048			x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
18	Nhà làm việc Tây Mỗ									1982	84	126,823			x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
19	Nhà làm việc Trại Mỹ Đình									1984	125	84,548			x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
20	Nhà thư viện									2006	200	400,000	128,000		x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
21	Nhà xưởng cơ khí									2010	350	1,236,000	164,264		x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
22	Nhà xưởng cơ khí ở trường									2003	170	40,000			x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
23	Nhà để xe cán bộ giáo viên									2012	600	645,328			x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
24	Nhà để xe học sinh									2012	250	1,141,790			x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
25	Nhà để xe đạp									1995	175	30,000			x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	

HÀNG
NG
ẢNH
HỆ CÁ
IỘI

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
26	Nhà xưởng cơ khí Tây Mỗ									2000	40	40,000			x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
27	Ký túc xá - Nhà ăn									2015	6,740	16,519,014	12,739,464		x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
28	Xưởng xay sát									1982	96	35,228			x						Chi tiết theo đề án KT TSC khi được phê duyệt	
Tổng cộng:			11,882,873,640		309,130						52,561	124,731,084	84,712,188									

Người lập báo cáo



Đỗ Mai Phương

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



TS. Phạm Xuân Khánh